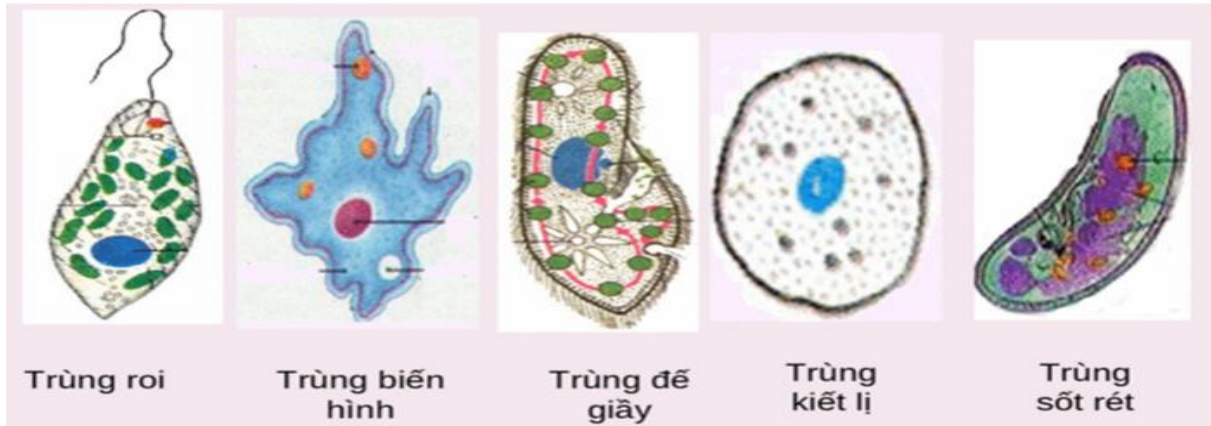


I. Nội dung bài học:

1. Chương I: Động vật nguyên sinh

Đại diện: Trùng roi, trùng giày, trùng biến hình, trùng kiết lị, trùng sốt rét

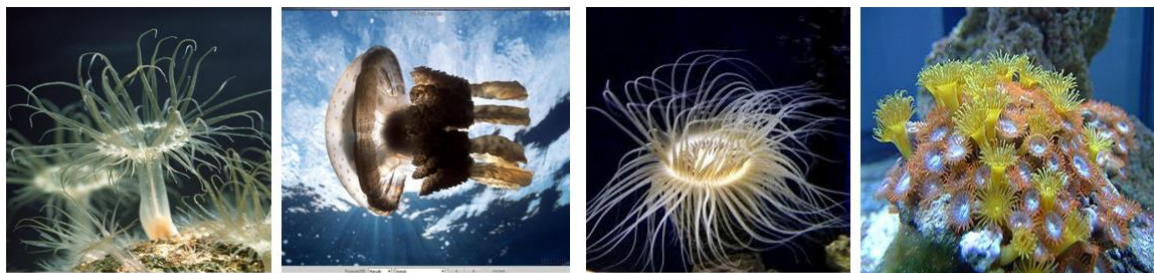


Đặc điểm chung và vai trò của ĐVNS

Đặc điểm chung	Vai trò thực tiễn
<ul style="list-style-type: none">+ Cơ thể có kích thước hiển vi.+ Cấu tạo từ một tế bào+ Dinh dưỡng chủ yếu bằng cách dị dưỡng.+ Di chuyển bằng chân giả, lông bơi hay roi bơi hoặc tiêu giảm.+ Phần lớn sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi.	<ul style="list-style-type: none">- Có lợi:<ul style="list-style-type: none">+ Là thức ăn của nhiều động vật lớn hơn trong nước.+ Chỉ thị về độ sạch của môi trường nước.- Có hại:<ul style="list-style-type: none">+ Một số không nhỏ động vật nguyên sinh gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho động vật và con người.

2. Chương 2: Ruột khoang

Đại diện: thủy tức, sứa, hải quỳ, san hô



Thủy tức

Sứa

Hải quỳ

San hô

Đặc điểm chung và vai trò của ruột khoang

Đặc điểm chung	Vai trò
+ Cơ thể đối xứng toả tròn. + Ruột dạng túi. + Thành cơ thể có 2 lớp tế bào. + Tự vệ và tấn công bằng tế bào gai.	- Có lợi: + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên. + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển. + Làm thực phẩm có giá trị + Làm đồ trang trí, trang sức. + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi. + Hóa thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất. - Có hại: + Một số loài gây độc và ngứa cho người. + Tạo đá ngầm ảnh hưởng đến giao thông đường biển.

II. Bài tập:

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Cơ thể của động vật nguyên sinh có đặc điểm chung là

- Có kích thước hiển vi, chỉ là một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- Có kích thước hiển vi, đa bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- Có kích thước hiển vi, chỉ là một hoặc hai tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- Có kích thước hiển vi, đơn bào hoặc đa bào đơn giản nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

Câu 2: Nhóm động vật nguyên sinh nào sau đây sống tự do

- Trùng giày, trùng biến hình, trùng roi
- Trùng roi, trùng kiết lị, trùng giày
- Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng kiết lị
- Trùng giày, trùng sốt rét, trùng kiết lị

Câu 3: Động vật nguyên sinh sống kí sinh thường có hình thức dinh dưỡng

- Tự dưỡng
- Dị dưỡng
- Vừa tự dưỡng, vừa dị dưỡng
- Hoại dưỡng

Câu 4. Ruột khoang có vai trò gì đối với sinh giới và con người nói chung?

- Một số loài ruột khoang có giá trị thực phẩm và dược phẩm.
- Góp phần tạo sự cân bằng sinh thái, tạo cảnh quan độc đáo.

- C. Nhiều loại san hô nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí, nguyên liệu xây dựng, ...
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 5. Các đại diện của ngành Ruột khoang không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sống trong môi trường nước, đối xứng toả tròn.
- B. Có khả năng kết bào xác.
- C. Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp, ruột dạng túi.
- D. Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

Câu 6. Cơ thể ruột khoang có kiểu đối xứng nào?

- A. Đối xứng toả tròn.
- B. Đối xứng hai bên.
- C. Đối xứng lưng – bụng.
- D. Đối xứng trước – sau.

Câu 7. Ruột khoang nói chung thường tự vệ bằng

- A. các xúc tu.
- B. các tế bào gai mang độc.
- C. lẩn trốn khỏi kẻ thù.
- D. trốn trong vỏ cứng.

2. Tự luận:

Câu 1: Đặc điểm chung nào của Động vật nguyên sinh vừa đúng cho loài sống tự do lẫn loài sống kí sinh ?

Câu 2: Cấu tạo của Ruột khoang sống bám và Ruột khoang bơi lội tự do có đặc điểm gì chung?

III. Dặn dò:

Học bài và trả lời các câu hỏi

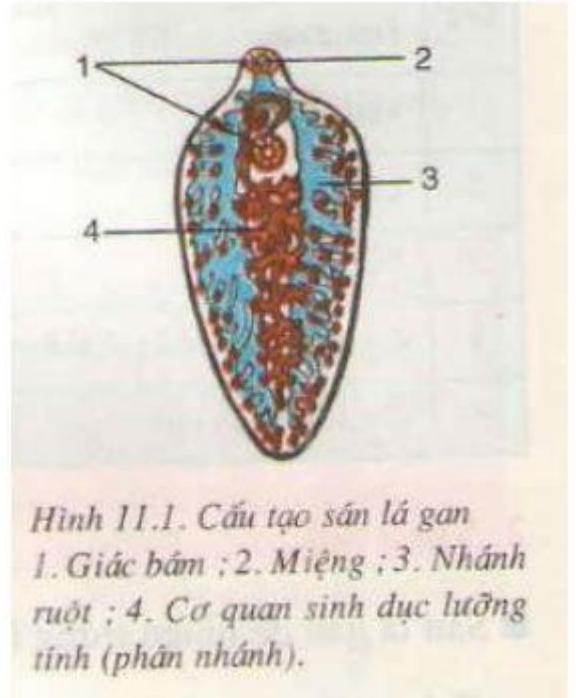
Chuẩn bị nội dung chủ đề: Ngành giun dẹp.

HDTH SINH HỌC 7 TUẦN 8
Tiết 12: Chủ đề: Ngành Giun Dẹp
Bài 11: Sán Lá Gan

I. Nội dung bài học:

1. Nơi sống, cấu tạo và di chuyển:

- Nơi sống: kí sinh ở gan và mật trâu, bò.
- Cấu tạo:
 - Cơ thể hình lá, dẹp, dài 2 – 5cm, đối xứng 2 bên màu đỏ máu
 - Mắt, lông bơi tiêu giảm, các giác bám phát triển
- Di chuyển: Cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển → có thể chun dãn, phồng dẹp cơ thể để chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh



2. Dinh dưỡng

- Cấu tạo cơ quan tiêu hóa:
 - Hầu có cơ khỏe
 - Ruột phân nhánh, chưa có hậu môn
- Kiểu dinh dưỡng: dị dưỡng - hút chất dinh dưỡng từ vật chủ

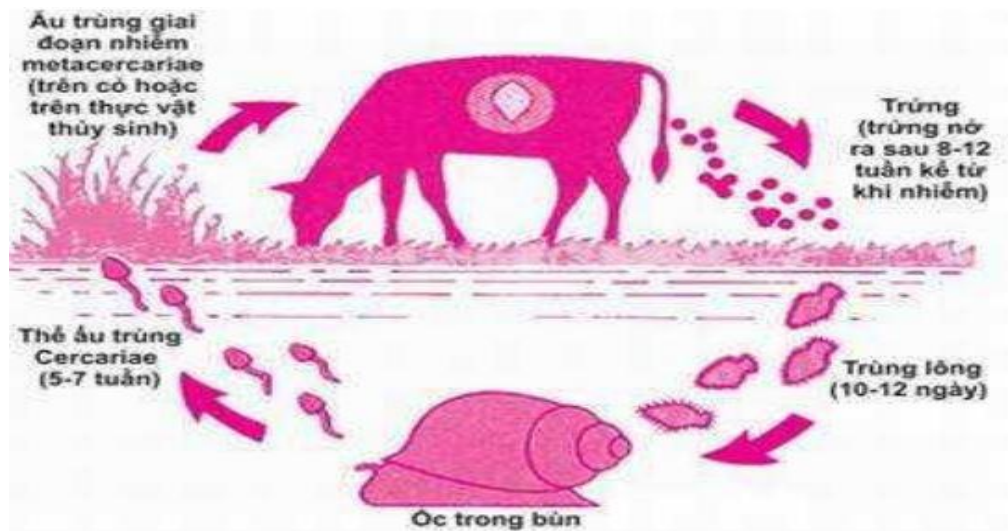
3. Sinh sản

*** Cơ quan sinh dục:**

- Sán lá gan lưỡng tính
- Cơ quan sinh dục phát triển, gồm 2 bộ phận: Cơ quan sinh dục đực, cơ quan sinh dục cái và tuyến noãn hoàng có cấu tạo dạng ống phân nhánh và phát triển chằng chịt

*** Vòng đời**

- Đặc điểm vòng đời sán lá gan: thay đổi vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng thích nghi với kí sinh.
- Vòng đời: Trứng gặp nước nở thành ấu trùng có lông bơi. Ấu trùng chui vào sống kí sinh trong ốc ruộng sinh sản cho nhiều ấu trùng có đuôi. Ấu trùng có đuôi rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo và cây thủy sinh, rụng đuôi, kết vỏ cứng thành kén sán. Trâu bò ăn phải cây cỏ kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan



II. Bài tập:

1. Trắc nghiệm:

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây có ở vòng đời của sán lá gan?

- A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.
- B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
- C. Sán trưởng thành sẽ kết bào xác vào mùa đông.
- D. Ấu trùng sán có tỉ lệ trở thành sán trưởng thành cao.

Câu 2. Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

- A. Miệng nằm ở mặt bụng.
- B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.
- C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.
- D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

Câu 3. Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau

Sán lá gan đẻ nhiều trứng, trứng gặp nước nở thành ấu trùng...(1)... và sau đó ấu trùng kí sinh trong...(2)..., sinh sản cho ra nhiều ấu trùng...(3)..., loại ấu trùng này rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo, cây thủy sinh và biến đổi trở thành...(4).... Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.

- A. (1) : có đuôi ; (2) : cá ; (3) : có lông bơi ; (4) : trứng sán
- B. (1) : có đuôi ; (2) : ốc ; (3) : có lông bơi ; (4) : kén sán
- C. (1) : có lông bơi ; (2) : ốc ; (3) : có đuôi ; (4) : kén sán
- D. (1) : có lông bơi ; (2) : cá ; (3) : có đuôi ; (4) : trứng sán

Câu 4. Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng ?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- C. Sán lá gan không có giác bám.
- D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

2. Tự luận:

Câu 1: Cấu tạo sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh như thế nào?

Câu 2: Hãy trình bày vòng đời của sán lá gan?

III. Dặn dò:

Học và trả lời các câu hỏi

Chuẩn bị bài mới